TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2022/DS-ST
Ngày: 11-3-2022
V/v: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Minh

Ông Phạm Sơn Điền

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị D**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà **Đặng Mai H**, sinh năm 1967.

Ông **Huỳnh Văn Ngh**, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: 159/11, tổ 01, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đỗ Minh Ch**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ.

(Bà D, bà H có mặt; ông Ngh, ông Chí vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày:* Trước đây bà cho bà H, ông Ngh vay nhiều lần tiền, tính đến 23/6/2017 vợ chồng bà H còn thiếu bà số tiền 220.000.000 đồng.

Sau đó bà cho bà H (tên thường gọi là H1) vay thêm nhiều lần tiền, cụ thể tại tờ giấy ghi "tiền chị H1 mượn" có liệt kê từng ngày vay tiền, thời gian bắt đầu trong tờ giấy là ngày 17/01/2018... đến thời gian cuối tờ giấy là ngày 17/02/2019 (mỗi lần vay đều do bà H viết nội dung) với tổng số tiền do bà H cộng chốt lại là 2.596.000.000 đồng. Ngày 31/5/2020 bà H hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà 5.000.000 đồng nhưng sau đó bà H chỉ đóng được 03 tháng (tương ứng số tiền 15.000.000 đồng) thì ngưng đến nay.

Khi bà cho bà H vay tiền, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng. Sở dĩ có số lẻ trong tiền vay là do có cộng tiền lãi vào trong đó (tháng nào không trả lãi được của tháng trước thì cộng dồn lãi vào lần vay sau). Do bà và bà H quen biết nên tin tưởng, khi vay không có thế chấp tài sản gì.

Tại phiên tòa, bà chỉ yêu cầu vợ chồng bà H (H1) và ông Ngh phải trả cho bà tổng số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỉ, hai trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Do bà H có thiện chí trả nợ nên bà rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H, ông Ngh (số tiền 1.396.000.000 đồng).

Số tiền bà cho bà H vay là của chung vợ chồng bà, chồng bà tên Đỗ Minh Ch, sinh năm 1963- cư trú cùng địa chỉ với bà.

* *Bị đơn bà Đặng Mai H trình bày*:

Bà thừa nhận có vay của bà D nhiều lần tiền, cụ thể mỗi lần vay thì bà không nhớ. Khi vay tiền thì ghi vào sổ của bà D chứ không lập giấy vay, thỏa thuận miệng lãi suất 10%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay.

Thực tế trước đây bà có vay nhiều lần tiền của bà D nhưng đã trả xong nên hai bên tin tưởng nhau, khi vay tiền không cần thế chấp tài sản. Mục đích vay tiền là để kinh doanh, nhưng do hiện nay tình hình dịch bệnh phức tạp nên buôn bán khó khăn, bà không có tiền trả cho bà D.

Họ tên đầy đủ của bà là Đặng Mai H, nhưng bà có tên thường gọi là H1. Bà thừa nhận nội dung tại cụ thể tại tờ giấy ghi "tiền chị H1 mượn" có liệt kê từng ngày vay tiền, thời gian bắt đầu trong tờ giấy là ngày 17/01/2018... đến thời gian cuối tờ giấy là ngày 17/02/2019, chữ viết trong tờ giấy đó là do bà viết. Tuy nhiên không phải mỗi lần đều lấy số tiền như trong giấy mà đó là chốt tiền nợ gốc và lãi từng tháng cộng dồn lại. Ngoài ra tại tờ giấy có ghi "Tiền bà 9 mượn", ngay góc trên bên phải ghi số 230+30=260, số tiền này là 260.000.000 đồng, là tiền chốt nợ giữa bà với bà D.

Ngoài ra bà không vay thêm khoản tiền nào khác của bà D. Ngày 31/5/2020 bà có hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà D 5.000.000 đồng, sau đó bà thực hiện được 3 tháng (tương ứng 15.000.000 đồng) thì ngưng cho đến nay. Số tiền lãi đã đóng thì bà không yêu cầu giải quyết.

Bà thừa nhận từ năm 2019 cho đến nay không đóng lãi cho bà D lần nào, do đó nay bà đồng ý trả cho bà D tổng cộng 1.200.000.000 đồng, coi như bù cho tiền lãi của mấy năm không đóng.

Bà là người trực tiếp vay tiền từ bà D, ông Ngh (chồng bà không nhận tiền từ bà D lần nào), số tiền vay của bà D là để làm ăn, sử dụng chung cho gia đình.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn Ngh trình bày*:

Ông là chồng của bà Đặng Mai H. Việc bà H vay tiền của bà D thì ông có biết, bà H vay để làm ăn lo cho gia đình. Tuy nhiên bà H vay của bà D bao nhiêu lần, tổng cộng vay bao nhiêu tiền thì ông không biết. Do làm ăn thua lỗ nên ông và bà H chưa trả nợ được cho bà D. Nay ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của bà H và đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà D. Do bận đi làm, ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh Ch trình bày:*

Ông là chồng của bà Trương Thị D.

Việc bà D cho vợ chồng bà H mượn tiền lúc đầu ông không biết, sau này mới nghe bà D nói lại. Số tiền bà D cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng ông. Nay bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H trả nợ, ông đồng ý và không tranh chấp gì. Ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H trả nợ cho bà D. Do bận đi làm nên ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đ phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ tranh chấp đầy đủ; xác định tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Về đường lối giải quyết vụ án: tại phiên tòa bà D và bà H thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, bà H đồng ý trả cho bà D tổng số tiền 1.200.000.000 đồng, đồng thời bà D rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H, ông Ngh. Xét việc thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn Ngh, ông Đỗ Minh Ch có yêu cầu vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách đương sự:

+ Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị D yêu cầu bà Đặng Mai H, ông Huỳnh Văn Ngh phải trả nợ gốc đã vay. Hiện nay bà H, ông Ngh cư trú tại Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ có thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Quan hệ pháp luật được xác định là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

+ Tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là bà Trương Thị D, bị đơn là bà Đặng Mai H và ông Huỳnh Văn Ngh; do bà D khai số tiền cho bà H vay là tài sản chung của vợ chồng nên xác định ông Đỗ Minh Ch (chồng bà D) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Tại phiên tòa bà D rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H, ông Ngh đối với số tiền 1.396.000.000 đồng nên cần căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là phù hợp.

[3.2]. Tại phiên tòa, bà D và bà H thỏa thuận được việc bà H đồng ý thanh toán cho bà D tổng số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), không tính lãi suất. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên cần ghi nhận.

[3.3]. Ông Huỳnh Văn Ngh khai số tiền vay bà H sử dụng chung cho gia đình và đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà D, vì vậy cần buộc ông Ngh có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ là phù hợp.

[3.4]. Bà D, bà H không tranh chấp số tiền lãi đã đóng nên không xem xét.

[3.5]. Số tiền cho bà H, ông Ngh vay là tài sản chung của vợ chồng bà D, nhưng ông Ch đề nghị buộc vợ chồng bà H trả nợ cho bà D, ông Ch không tranh chấp nên không xem xét.

* Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Bà D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H và ông Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch 1.200.000.000 đồng) theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 68, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D đối với bà Đặng Mai H, ông Huỳnh Văn Ngh.

2. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện của bà Đặng Mai H đồng ý trả cho bà Trương Thị D tổng số tiền 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

Ông Huỳnh Văn Ngh có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả cho bà D số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Trả lại cho bà Trương Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.960.000 đồng theo biên lai thu số 0005510 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ.

Bà Đặng Mai H và ông Huỳnh Văn Ngh phải chịu chung 48.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mai